

Bản án số: 32/2017/HS-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Quốc Việt;
Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trị.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huỳnh;
2. Ông Bùi Tiến Dũng;
3. Bà Nguyễn Ngọc Sương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thành
- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Tất Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 07 tháng 06 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Phương A, sinh ngày: 02/6/1992 tại thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: 1329 đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: 1244 đường A, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1967; anh chị em ruột: Không;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 22/11/2012 (có mặt).

Người bào chữa: Ông Nguyễn Phi L, luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Phương A theo yêu cầu của Tòa án (có mặt).

Người bị hại: Đoàn Thị H, SN 1946 (đã chết trong vụ án)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Nguyễn Chí L, SN 1942, trú tại: 03 đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Nam Định (có mặt).

2. Ông Nguyễn Chí T (vắng).

3. Bà Nguyễn Thị T, SN 1969, trú tại: trú tại: 03 đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Nam Định (có mặt).

4. Ông Nguyễn Chí T2, SN 1971, trú tại: Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

5. Bà Phan Thị Thu H, SN 1971, trú tại: Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Cùng uỷ quyền cho ông: Đoàn Văn H (em bà H), SN 1952, trú tại: 108A đường H, phường H, quận L, TP Hải Phòng (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Xuân T, sinh năm 1966, trú tại: 37 T, phường L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng).

2. Ông Trần Hồng Đ, sinh năm: trú tại: 103 đường A, phường K, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng).

3. Bà Tăng Thị T, sinh năm 1970 ; trú tại: 1304 đường A, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1967, trú tại: 1303 đường A, phường B, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người giám định:

1. Bác sỹ Nguyễn Thế H, Viện trưởng Viện GĐPYTT Biên Hoà, chủ tịch HĐ (vắng).

2. Thạc sỹ Nguyễn Đình Q, SN1962, GĐV, thư ký TKBB CB (có mặt).

3. BS Đường Khắc T, GĐV (vắng).

4. BS Nguyễn Hữu T, GĐV-Viện phó (vắng).

5. BS Nguyễn Ngọc L, SN 1961, GĐV phó khoa BB CB (có mặt).

6. BS Trần Hữu H, GĐV (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì bị cáo Nguyễn Phương A bị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 10/2012, Nguyễn Phương A thường đến uống cafe ở khu Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên gặp và quen với bà Đoàn Thị H, sinh năm 1946, HKTT: 03 đường A, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định. Qua nói chuyện, Phương A biết bà H đang sinh sống tại căn hộ B1407 Chung cư L, thành phố V.

Theo Phương A khai thì khoảng giữa tháng 11/2012, do đánh bạc thua tiền dẫn đến thiếu nợ người khác không có tiền trả nên Phương Anh mua 02 con dao thái lan dài khoảng 22cm, cán màu vàng với mục đích sử dụng để cướp tài sản của người khác khi có thời cơ.

Sáng ngày 20/11/2012, Phương A đi xe mô tô hiệu Wave RSX mang biển số 54S7-7726 đi mua hoa để tặng cô giáo ở trường Cao đẳng nghề tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nơi Phương A đang học. Sau khi mua hoa, thấy hết tiền nên Phương A nảy sinh ý định đến căn hộ của bà H để cướp tài sản. Phương A lấy 02 con dao mua sẵn giấu vào thắt lưng quần rồi đi xe máy đến khu chung cư L. Sau khi gửi xe, Phương A cầm hoa trên tay, mặt vẫn bịt khẩu trang đi thang máy lên căn hộ B1407 giả làm người giao hoa để tiếp cận bà H. Do Phương A bịt mặt nên bà H không nhận ra và hỏi Phương A có phải giao hoa cho con dâu của bà H là chị Phan Thị Thu H hay không. Phương A gật đầu xác nhận. Bà H mở cửa cho

Phương A vào nhà và lấy điện thoại gọi điện cho chị Thu H để kiểm tra. Lúc này, Phương A đứng sau lưng bà H dùng tay trái kẹp cổ bà H, tay phải rút 02 con dao ra kề vào cổ bà H không chế. Bà H vùng tay chống cự lại và tri hô kêu cứu thì bị Phương A dùng 02 con dao cầm trên tay phải đâm nhiều nhất vào người. Bà H chạy ra hướng khu vực ban công. Phương A kéo bà H lại rồi tiếp tục dùng 02 con dao đâm thêm nhiều nhất nữa vào người bà H. Bà H nằm ngã dưới sàn nhà. Phương A tháo lấy 01 chiếc nhẫn vàng 24K và 01 chiếc bông tai vàng 24K của bà H; còn 01 chiếc bông tai của bà H không tháo ra được. Sau đó, Phương A vào nhà vệ sinh rửa tay. Khi đi ra thấy bà H đang cố lết gần đến chỗ cửa ra vào, Phương A chạy đến dùng tay kéo bà H và đóng cửa lại rồi tiếp tục cầm 02 con dao đâm nhiều nhất vào người bà H. Trong lúc đâm bà H, Phương A đâm trượt trúng sàn nhà làm 01 con dao bị gãy rời lưỡi khỏi cán dao, 01 con dao bị cong lưỡi. Phương A vứt 02 con dao xuống sàn nhà rồi lấy 01 con dao thái lan ở bếp để đâm tiếp. Lúc lấy dao, Phương A cầm vào lưỡi dao nên bị thương nhẹ ở lòng bàn tay trái (BLĐT 64). Phương A dùng dao tiếp tục đâm bà H cho đến khi bà H nằm bất động. Phương A vào phòng ngủ lục tìm tài sản và lấy của chị Phan Thị Thu H 01 chiếc máy vi tính xách tay hiệu Acer Emachines D725 màu đen đựng trong chiếc túi. Sau đó, Phương A cởi áo khoác, giày đã bị dính máu cho vào bọc ni-lông cầm theo và lấy đôi dép nhựa màu trắng ở hành lang để đi. Thấy việc mặc quần jean mà lại mang dép nhựa sợ bị người khác nghi ngờ nên khi đến cầu thang bộ, Phương A bỏ đôi dép lại và lấy trộm đôi giày thể thao của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954, đang để trước cửa căn hộ B1406 rồi bỏ trốn khỏi hiện trường. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, mọi người phát hiện bà Đoàn Thị H bị chết nên trình báo cơ quan Công an.

Sau khi gây án, Phương A đến thuê phòng tại nhà nghỉ 69 tại số 1/69 đường T, thành phố V để giặt áo khoác, giày, quần có dính máu. Khoảng 01 giờ sau, Phương A trả phòng rồi mang chiếc áo khoác vứt xuống sườn Núi nhỏ, thành phố V.

Đối với số tài sản chiếm đoạt được, Phương A mang chiếc máy vi tính xách tay đến tiệm cầm đồ T ở số 37 đường N, phường B, thành phố V cầm cố cho ông Đào Xuân T được 2.600.000 đồng; chiếc túi đựng máy vi tính xách tay thì Phương A để ở nhà bà Tăng Thị T, sinh năm 1970, tại 1034 đường A, phường B, thành phố V; còn 01 chiếc nhẫn và 01 chiếc bông tai, Phương A đưa cho bà T nói là nhặt được và nhờ bán giúp. Bà T lấy nhẫn, bông tai do Phương A đưa mang đến tiệm vàng M ở số 103 đường A, thành phố V bán cho ông Trần Hồng Đ được 5.090.000 đồng. Bà T chỉ đưa cho Phương A số tiền 4.290.000 đồng và giữ lại 800.000 đồng; sau khi nhận tiền, Phương A cho bà T 300.000 đồng. Số tiền trên, Phương A sử dụng trả nợ và đánh bạc, chỉ còn lại 64.000 đồng khi bị bắt giữ.

Tại Kết luận giám định pháp y số 509/PC54 ngày 10/12/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận đối với bà Đoàn Thị H như sau:

- Rách da đầu vùng Đỉnh – cằm trái, bờ sắc gọn, kích thước 9cm x 1cm;
- Rách da đầu vùng Đỉnh trái, bờ sắc gọn, kích thước 3,8cm x 0,1cm;
- Rách da mi trên mắt phải, kích thước 1,5cm x 0,2cm;

- Rách da gò má phải, kích thước 1,4cm x 0,2cm;
- Rách da vành tai trái, kích thước 0,5cm x 0,1cm;
- Rách da ống tai ngoài trái, kích thước 1,2cm x 0,2cm;
- Rách da má trái, ngay trước dải tai trái, kích thước 2,5cm x 0,5cm;
- Rách da sau dải tai trái, kích thước 2cm x 0,3cm;
- Rách da giữa má trái, kích thước 1,8cm x 0,5cm;
- Rách da vùng giữa Châm, kích thước 2cm x 0,3cm;
- Rách da chằm trái hình vòng cung, kích thước 3,5cm x 3cm;
- Rách da vùng chằm phải, kích thước 1,4cm x 0,2cm;
- Xước da vùng cổ phải, kích thước 6cm x 0,1cm;
- Rách da vùng cổ - vai phải, kích thước 5,5cm x 0,3cm;
- Rách da 1/3 bên trên vai phải 2 vết: vết thứ 1 kích thước 3cm x 0,2cm; vết thứ 2 kích thước 1,8cm x 0,5cm;
- Rách da giữa sống lưng trên đường liên bả vai, kích thước 2,8cm x 0,3cm;
- Rách da hình khe vùng mạn sườn trái, kích thước 1,5cm x 0,2cm;
- Mặt trước ngoài 1/3 trên cánh tay trái có 3 vết rách da: vết thứ 1 kích thước 1,8cm x 0,3cm; vết thứ 2 kích thước 1,8cm x 0,2cm; vết thứ 3 kích thước 4cm x 0,7cm;
- Rách da 1/3 trên mặt trong cánh tay trái, kích thước 1,8cm x 0,6cm;
- Rách da mặt trong khuỷu tay trái, kích thước 5cm x 1cm;
- Rách da mặt trong cẳng tay phải 2 vết: vết thứ 1 kích thước 1,6cm x 0,3cm; vết thứ 2 kích thước 2cm x 0,5cm;
- Rách da 1/3 trên mặt trước ngoài cẳng chân phải 2 vết: vết thứ 1 kích thước 0,6cm x 0,1cm; vết thứ 2 kích thước 2,2cm x 0,8cm;
- Rách da mặt trong gối trái 2 vết: vết thứ 1 kích thước 2,5cm x 1cm; vết thứ 2 kích thước 2,4cm x 0,4cm;

Vết thương vùng cổ - vai phải xuyên vào trong xuống dưới gây rách tĩnh mạch nông vùng cổ phải, xuyên rách khối cơ vùng cổ phải, xuyên đứt rời động mạch dưới đòn phải gây mất máu cấp. Chảy máu dày đặc dưới da – trong cơ vùng cổ phải. Vết thương vùng mạn sườn trái xuyên thấu vào ổ bụng gây tụ máu mạc nối lớn, kích thước 4cm x 2,5cm.

Kết luận: Đoàn Thị H chết do choáng mất máu không hồi phục do đa vết thương – trong đó nguyên nhân chính là vết thương vùng cổ - vai phải xuyên rách tĩnh mạch nông vùng cổ phải, xuyên đứt rời động mạch dưới đòn phải gây mất máu cấp. Vật gây nên các tổn thương trên cơ thể nạn nhân là vật do sắc và vật sắc nhọn gây ra (BLĐT 43, 44).

Tại văn bản số 3488/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận đối với tài sản Nguyễn Phương A chiếm đoạt như sau: 01 chiếc bông tai vàng 24K trọng lượng 5 phân (0,5 chỉ) có giá trị 2.246.500 đồng; 01 chiếc máy vi tính xách tay hiệu Acer eMachines D725 có giá trị 2.646.000 đồng (BLĐT 51).

Đối với chiếc nhẫn vàng 24K Nguyễn Phương A chiếm đoạt của bà Đoàn Thị H: Ông Trần Hồng Đ, sinh năm 1980, là chủ tiệm vàng M trình bày sau khi bà Tăng Thị T mang đến bán thì ông Đ đã nấu nung chảy, không thu hồi được và xác

định chiếc nhẫn có giá trị khi mua 3.220.000 đồng, ông Đ đã giao nộp lại số tiền trên (BLĐT 136).

Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Phương A chiếm đoạt của bà Đoàn Thị H và chị Phan Thị Thu H là (2.246.500 đồng + 2.646.000 đồng + 3.220.000 đồng) = 8.112.500 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Phương A đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên (BLĐT 79 đến 107).

***Giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Phương A:**

Ngày 04/01/2013, bà Lê Thị L, sinh năm 1967, là mẹ của Nguyễn Phương A có đơn cho rằng trước đó Nguyễn Phương A bị tai nạn giao thông, có nhiều biểu hiện bất thường nên yêu cầu giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Phương A (BLĐT 138).

Sau khi điều tra xác minh, ngày 15/01/2013, Cơ quan CSĐT(PC45) Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Nguyễn Phương A (BLĐT 45).

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 68/PYTT-PVPN ngày 28/02/2013 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương, Phân viện phía Nam kết luận đối với Nguyễn Phương A như sau:

1. Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án: Rối loạn cảm xúc không ổn định suy nhược thực tổn (F06.6 – ICD.10).

+ Hiện nay: Bệnh đang giai đoạn tiến triển.

2. Về pháp luật:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị hạn chế do bệnh.

+ Hiện nay: Chưa đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để tiếp tục làm việc với cơ quan pháp luật.

3. Đề nghị:

+ Cần được điều trị một thời gian khi ổn định sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan pháp luật.

+ Áp dụng tình tiết giảm nhẹ khi xét xử (BLĐT 47, 48).

Ngày 02/4/2013, Nguyễn Phương A bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (BLĐT 76).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 111/KLBB-VPYTW ngày 10/3/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận đối với Nguyễn Phương A như sau:

Bị bệnh: Rối loạn cảm xúc không ổn định suy nhược thực tổn (F06.6 – ICD.10).

Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đang sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật (BLĐT 49).

Tại bản cáo trạng số 31/VKS-P2 ngày 05/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Phương A tội: “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 điều 93 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo đó đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điểm g, n khoản 1 điều 93 và khoản 1 Điều 133 Bộ, điểm n, p khoản 1 Điều 46, điểm e khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 34, Điều 50 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn Phương A với mức án chung thân về tội “*Giết người*” và 3 đến 5 năm tù tội “*Cướp tài sản*” tổng hợp hình phạt là tù chung thân.

Ý kiến bào chữa của luật sư Nguyễn Phi L: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt đã truy tố với Nguyễn Phương A. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề xuất là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và phù hợp với pháp luật nên ông không có ý kiến tranh luận.

Về trách nhiệm dân sự: Mẹ bị cáo là bà Lê Thị L tại phiên tòa hôm nay đã tự nguyện đồng ý bồi thường thay bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư và không tham gia tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp của bị hại không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tình tiết giảm nhẹ là bị cáo bị hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi do bị bệnh theo điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết nặng theo quy định của pháp luật để xét xử bị cáo nghiêm minh, đúng người, đúng tội.

Bà Lê Thị L: Bà đồng ý bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp tranh luận: Vẫn giữ nguyên quan điểm như bản luận tội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN

Về tố tụng: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm chỉnh thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 57 và các điều 65, 72, 75 Bộ luật tố tụng hình sự, như: Mời người bào chữa cho bị cáo từ giai đoạn điều tra; quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình; thu thập bảo quản vật chứng đúng trình tự, thủ tục.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Phương A đã thừa nhận hành vi “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*” như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản kết luận giám định pháp y và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể như sau:

Do đánh bạc thua tiền dẫn đến thiếu nợ người khác không có tiền trả nên Phương A mua 02 con dao thái lan với mục đích sử dụng để cướp tài sản. Sáng ngày 20/11/2012, Phương A đi xe mô tô mang theo dao và mua hoa đến căn hộ chung cư Lakeside của bà H để cướp tài sản. Phương A đi thang máy lên căn hộ B1407 giả làm người giao hoa cho con dâu của bà H là chị Phan Thị Thu Hương. Bà H ra mở cửa và gọi điện thoại cho con dâu, lợi dụng lúc bà H quay lưng lại thì Phương A dùng tay trái kẹp cổ bà H, tay phải rút 02 con dao ra kề vào cổ bà H khống chế. Bà H vùng tay chống cự lại thì bị Phương A dùng 02 con dao cầm trên tay phải đâm nhiều nhát vào ngực vào cổ. Bà H chạy ra hướng khu vực ban công, Phương A kéo bà lại rồi tiếp tục dùng 02 con dao đâm thêm nhiều nhát nữa vào người bà H. Bà H nằm ngã dưới sàn nhà. Phương A tháo lấy 01 chiếc nhẫn vàng 24K và 01 chiếc bông tai vàng 24K của bà H; còn 01 chiếc bông tai của bà H không tháo ra được. Sau đó, Phương A vào nhà vệ sinh rửa tay. Khi đi ra thấy bà H đang cố lết gần đến chỗ cửa ra vào, Phương A chạy đến dùng tay kéo bà H và đóng cửa lại rồi tiếp tục cầm 02 con dao đâm nhiều nhát vào người bà H. Trong lúc đâm bà H, Phương A đâm trượt trúng sàn nhà làm 01 con dao bị gãy rời lưỡi khỏi cán dao, 01 con dao bị cong lưỡi. Phương A vút 02 con dao xuống sàn nhà rồi lấy 01 con dao thái lan ở bếp để đâm tiếp. Lúc lấy dao, Phương A cầm vào lưỡi dao nên bị thương nhẹ ở lòng bàn tay trái (BLDT 64). Phương A dùng dao tiếp tục đâm bà H cho đến khi bà H nằm bất động. Sau khi giết bà H, Phương A liền vào phòng ngủ lục tìm tài sản và lấy của chị Phan Thị Thu H (con dâu bà H) 01 chiếc máy vi tính xách tay hiệu Acer Emachines D725 màu đen rồi bỏ trốn khỏi hiện trường.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã thu giữ các vật chứng là tài sản mà Nguyễn Phương A đã chiếm đoạt và những công cụ, phương tiện mà Phương A đã sử dụng để giết bà H, bao gồm:

- 03 (ba) con dao thái lan (trong đó 01 con dao bị gãy rời lưỡi, 01 con dao cong lưỡi) 01 đôi dép nhựa tổ ong màu trắng mà Phương A lấy ở hành lang nhà bà H bỏ lại chỗ cầu thang bộ; 01 một chiếc bông tai, số tiền 3.220.000 đồng mà bị cáo đã bán chiếc nhẫn do chủ tiệm vàng nộp lại; 01 máy vi tính xách tay hiệu Acer Emachines D725, 01 túi đựng máy tính..

Các vật chứng thu giữ tại hiện trường nêu trên qua đối chiếu với lời khai của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhau. Những vết thương trên người bà H và nguyên nhân dẫn đến cái chết của bà H qua giám định pháp y như sau: Đoàn Thị H trên người có 23 vết thương và chết do choáng mất máu không hồi phục do đa vết thương – trong đó nguyên nhân chính là vết thương vùng cổ - vai phải xuyên rách tĩnh mạch nông vùng cổ phải, xuyên đứt rời động mạch dưới đòn

phải gây mất máu cấp. Vật gây nên các tổn thương trên cơ thể nạn nhân là vật do sắc và vật sắc nhọn gây ra (BL 43, 44). Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo A tại cơ quan điều tra (BL từ 82-99) và tại phiên tòa hôm nay.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Phương A là thủ phạm giết bà Đoàn Thị H rồi sau đó chiếm đoạt tài sản của gia đình bà H, chị Thu H với tổng trị giá 8.112.500 đồng. Hành vi phạm tội của Nguyễn Phương A đã cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm g, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, với tình tiết định khung: Để thực hiện tội phạm khác, có tính chất côn đồ và tội “Cướp tài sản”. Về tội “Cướp tài sản” thì Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức án tối đa là tử hình nên là điều luật nặng hơn. Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc hướng dẫn khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì xét xử bị cáo Nguyễn Phương A theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là theo hướng có lợi cho bị cáo.

Xét động cơ, mục đích, tính chất, mức độ hành vi phạm tội giết người của bị cáo Nguyễn Phương A: Ý định cướp tài sản của bị cáo đã nảy sinh từ khi bị cáo đánh bạc bị thua dẫn đến nợ nần nhiều người. Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã mua 2 con dao thái lan chờ cơ hội để cướp tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có dự mưu từ trước. Kế hoạch, thủ đoạn phạm tội của bị cáo đã có sự chuẩn bị rất tỉ mỉ, tinh vi về thời gian, địa điểm phạm tội như: Bị cáo chọn ngày 20/11 (ngày nhà giáo Việt Nam) để mua hoa rồi giả vờ làm người giao hoa để tiếp cận bị hại, dùng khẩu trang bịt mặt để bị hại không nhận diện được.

Khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã tấn công một cách quyết liệt với tính chất rất dã man, tàn ác mặc dù nạn nhân hoàn toàn trong tình trạng bị động, không hề có hành vi phòng thủ hay chống đỡ. Vậy mà bị cáo vẫn cố ý phạm tội đến cùng, quyết tâm giết chết người vô tội để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Thể hiện: Bị cáo đã dùng 3 con dao Thái lan đâm 23 nhát vào người bị hại cho đến khi nằm bất động mới dừng lại. Giết bà H xong bị cáo tiếp tục thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng khác là cướp tài sản. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Phương A cởi áo khoác, giày đã bị dính máu cho vào bọc ni-lông cầm theo và lấy đôi dép nhựa màu trắng ở hành lang để đi. Thấy việc mặc quần jean mà lại mang dép nhựa sợ bị người khác nghi ngờ nên khi đến cầu thang bộ tầng 12 bị cáo còn quay ngược lại tầng 14 để bỏ đôi dép lại và lấy trộm đôi giày thể thao của ông Nguyễn Văn N đang để trước cửa căn hộ B1406 rồi bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau đó Phương A đến thuê phòng tại nhà nghỉ để giặt áo khoác, giày, quần có dính máu và mang chiếc áo khoác vứt xuống sườn Núi nhỏ, thành phố V. Hành vi này của bị cáo nhằm xóa dấu vết hành vi phạm tội của mình.

Với diễn biến hành vi phạm tội của Nguyễn Phương A nêu trên đã thể hiện rõ là từ khi chuẩn bị phạm tội, thực hiện tội phạm đến khi xóa dấu vết rồi bỏ trốn đã chứng tỏ bị cáo là hoàn toàn tinh táo, đã nhận thức và điều khiển hành vi của mình một cách rất tinh ranh và táo bạo.

Tính chất và mức độ hành vi phạm tội của Nguyễn Phương A là đặc biệt nguy hiểm, có tính chất côn đồ. Bản chất con người bị cáo là tàn ác, không còn tính người, coi thường tính mạng của người khác. Lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây đau thương tang tóc không gì bù đắp nổi cho

gia đình, người thân của những người bị hại nói riêng, gây phần nô tột cùng cho toàn thể nhân dân nói chung. Vì vậy, phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi tội ác mà bị cáo đã gây ra mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có 03 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm e, h và m khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là: Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, phạm tội đối với người trong tình trạng không thể tự vệ được và dùng thủ đoạn tàn ác phạm tội.

Về Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 68/PYTT-PVPN ngày 28/02/2013 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương, Phân viện phía Nam kết luận đối với Nguyễn Phương A như sau:

1. Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án: Rối loạn cảm xúc không ổn định suy nhược thực tổn (F06.6 – ICD.10).

+ Hiện nay: Bệnh đang giai đoạn tiến triển.

2. Về pháp luật:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị hạn chế do bệnh...

Xét thấy tại phiên tòa các giám định viên trong hội đồng giám định pháp y tâm thần TW (nay là Viện GĐPYTT TW Biên Hoà) thừa nhận trong hồ sơ của cơ quan yêu cầu giám định không có các tài liệu: Nhận xét của cơ quan tạm giam bị cáo; xác nhận của y tế địa phương về tình hình bệnh tật của bị cáo; nhận xét của 2 người hàng xóm trở lên (người không có quan hệ họ hàng thân thích của bị cáo); báo cáo của gia đình về đặc điểm tình hình bệnh tật, quá trình phát triển từ nhỏ tới hiện tại của bị cáo; bản sao bệnh án của cơ sở y tế đã khám và điều trị bệnh cho bị cáo và các tài liệu liên quan nếu có.

Tại tòa các giám định viên thừa nhận hồ sơ giám định mà cơ quan điều tra cung cấp chỉ có: Lời khai của bị cáo; lời khai của mẹ bị cáo, biên bản xác minh tại trường Cao đẳng nghề V (nơi bị cáo học tập); biên bản xác minh ở tổ dân phố nơi cư trú của bị cáo.

Qua xem xét các tài liệu nêu trên thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của bị cáo thì chi tiết, rõ ràng về diễn biến hành vi phạm tội. Lời khai của bà L mẹ bị cáo chỉ nêu là khoảng tháng 2/2012 bị cáo bị tai nạn xe máy nhưng không nhập viện nên không có bệnh án. Biên bản xác minh tại nơi học tập của bị cáo: Bị cáo là người năng nổ, nhiệt tình, tham gia tích cực các hoạt động của trường, được cử làm lớp phó, nhưng bị cáo hay nổi nóng. Xác minh tại địa phương: Bị cáo không có biểu hiện bất thường, năm 2012 có nghe nói Phương A bị té xe nhưng không ảnh hưởng gì. Phương A tính tình không hoà nhập với mọi người. Như vậy, rõ ràng với nội dung các tài liệu này không đủ căn cứ chứng minh bị cáo trước, trong khi phạm tội bị hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi do bị bệnh.

Vì hồ sơ giám định tâm thần chưa đầy đủ, không có căn cứ để chứng minh đáp ứng theo quyết định trưng cầu giám định của cơ quan yêu cầu giám định, đáng lẽ Hội đồng giám định phải từ chối giám định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 3 Điều 22 Luật giám định tư pháp vào điểm d khoản 2 Điều 60 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng giám định pháp y tâm thần TW khẳng định bị cáo “Trong thời điểm gây án có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng hạn chế do bị bệnh..” khi chưa đủ tài liệu chứng minh theo quy định của pháp luật nên chưa chính xác và khách quan nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 170.000.000 đồng, do lúc tang gia bối rối nên gia đình không lưu giữ các hoá đơn, chứng từ. Vì vậy, Đại diện bị hại đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật. Căn cứ vào quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhất trí bị cáo phải bồi thường gồm các khoản sau:

- Tiền mua quan tài: 10.000.000 đồng;
 - Tiền vé máy bay và vé ô tô cho 2 người đi từ Nam Định vào V: 5.000.000 đồng.
 - Tiền thuê xe chở quan tài từ V về quê: 20.000.000 đồng.
 - Tiền chi phí mai táng ở quê: 15.000.000 đồng;
 - Tiền tổn thất về tinh thần 60 tháng x 1.300.000 đồng/tháng = 78.000.000 đồng.
 - Tiền trị giá chiếc nhẫn bị mất theo định giá là: 3.220.000 đồng.
- Tổng cộng: 131.220.000 đồng.

Bị cáo đồng ý với mức bồi thường này, bà Lê Thị L mẹ bị cáo tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng mà cơ quan điều tra đã thu giữ được xử lý như sau:

Tịch thu tiêu hủy những tài sản không còn giá trị sử dụng: 01 mũ bảo hiểm đã cũ; 01 áo màu xanh cũ; 01 quần Jean màu xanh cũ; 01 đôi dép nhựa đã cũ; 01 áo khoác trắng đã cũ; 01 con dao thái lan.

Tạm giữ 4.384.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tư ngàn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho đại diện hợp pháp người bị hại 01 chiếc bông tai kim loại màu vàng.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: 131.220.000 đồng x 5% = 6.560.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phương A tội: “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*”

Áp dụng điểm g, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm e, h, m khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 34 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt: Nguyễn Phương A tù chung thân về tội giết người.

Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Nguyễn Phương A 04 (bốn) năm tù về tội cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999:

Bị cáo **Nguyễn Phương A** phải chịu hình phạt chung cho 02 tội là: **Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2012.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005: Buộc Nguyễn Phương A phải bồi thường cho đại diện hợp pháp cho bị hại gồm: Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí L, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thị T và Phan Thị Thu H số tiền là 131.220.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng). Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Phương A số tiền trên.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy những tài sản sau: 01 mũ bảo hiểm đã cũ; 01 áo màu xanh cũ; 01 quần Jean màu xanh cũ; 01 đôi dép nhựa đã cũ; 01 áo khoác trắng đã cũ; 01 con dao thái lan.

Tạm giữ 4.384.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tư ngàn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho đại diện hợp pháp người bị hại Ông Nguyễn Chí T 01 chiếc bông tai kim loại màu vàng.

Các tài sản và tiền nêu hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang lưu giữ tại biên bản giao nhận vật chứng số 36/BB-CTHADS và biên lai thu tiền số 7532 ngày 06/6/2017.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phương A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 6.560.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất tính trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu xét xử Phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát ND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu: Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Quốc Việt

